

DANH SÁCH LỊCH HỌC TOÀN TRƯỜNG

Thứ ba, ngày 21 tháng 8 năm 2018

STT	Lớp học	Môn học	Phòng	Từ tiết	Đến tiết	Giảng viên	Loại môn học
<i>Từ tiết 1 đến tiết 6</i>							
1	15CD_HL2_CNTT	Lập trình ASP.Net 1	H1.1 - 12 (P. Vi tính 01)	1	3	Nguyễn Cao Phong	Thực hành
2	15CD_HL2_CNTT	Lập trình ASP.Net 1	H1.1 - 12 (P. Vi tính 01)	4	5	Nguyễn Cao Phong	Thực hành
3	16CD_HL2_CK1	Cơ lý thuyết	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	1	3	Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Giang	Lý thuyết
4	16CD_HL2_CNTT	Phân tích và thiết kế hệ thống	H1.3 - 02 (P. Vi tính 6)	1	5	Nguyễn Văn Danh	Lý thuyết
5	16CD_HL2_ĐĐT	Điện tử công suất	C2.1 - 03 (P. Lý thuyết)	4	6	Tạ Minh Cường, Quách Minh Thử	Lý thuyết
6	16CD_HL2_ĐĐT2	Mạch điện	C2.1 - 05 (P. Lý thuyết)	1	5	Cao Văn Tuấn	Lý thuyết
7	16CD_HL2_DLANH	Thực tập Lắp đặt hệ thống lạnh	G1.1 - 11 (Xưởng TT Lắp đặt & Sửa chữa ĐHKK 2)	1	6	Nguyễn Vũ Xuân Thi	Thực hành
8	16CD_HL2_DLUC	Nguyên lý chi tiết máy	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	4	6	Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Giang	Lý thuyết
9	16TC_HL2_KHCB1	Toán 1	C2.2 - 03 (P. Lý thuyết)	1	4	Nguyễn Thị Thủy	Lý thuyết
10	16TC_HL2_KHCB2	Hóa học 4	C2.2 - 01 (P. Lý thuyết)	1	5	Nguyễn Phương Hà	Lý thuyết
11	16TN_HL2_ĐĐT	Trang bị điện	C2.1 - 03 (P. Lý thuyết)	1	3	Tạ Minh Cường, Quách Minh Thử	Lý thuyết
12	18C1-ĐCN1	Giáo dục định hướng	Hội Trường A	1	4	Hồ Minh Lợi	Lý thuyết
13	18T4-CNÔ5	Giáo dục thể chất	SB (Sân bóng)	1	2	Nguyễn Phú Tân	Thực hành
14	18T4-CNÔ5	Động cơ đốt trong	H1.3 - 16 (P. Lý thuyết)	3	5	Triệu Phú Nguyên	Lý thuyết
15	18T4-CNÔ5	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.3 - 16 (P. Lý thuyết)	6	6	Trần Quốc Duy	Lý thuyết
16	18T4-KTD1	Lý thuyết kế toán	H1.2 - 06 (P. Lý Thuyết)	1	3	Bùi Ánh Tuyết	Lý thuyết

STT	Lớp học	Môn học	Phòng	Từ tiết	Đến tiết	Giảng viên	Loại môn học
17	18T4-KTD1	Toán kinh tế	H1.2 - 06 (P. Lý Thuyết)	4	5	Lê Thị Thu Thảo	Lý thuyết
18	18T4-NNA1	Nghe	H1.2 - 05 (P. Lý Thuyết)	1	3	Nguyễn Thị Bảo Trân	Lý thuyết
19	18T4-NNA1	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.2 - 05 (P. Lý Thuyết)	4	4	Nguyễn Thị Thu Hà	Lý thuyết
20	18T4-NNA2	Ngữ pháp 1	H1.2 - 09 (P. Lý Thuyết)	1	2	Nguyễn Thị Thanh Tú	Lý thuyết
21	18T4-NNA2	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.2 - 09 (P. Lý Thuyết)	3	3	Nguyễn Thị Thanh Tú	Lý thuyết
22	18T4-NNA2	Nghe	H1.2 - 09 (P. Lý Thuyết)	4	6	Nguyễn Thị Bảo Trân	Lý thuyết
23	18T4-TKĐ2	Nghệ thuật chữ	H1.1 - 13 (P. Vi tính 02)	1	1	Huỳnh Quốc Dũng (TG)	Lý thuyết
24	18T4-TKĐ2	Nghệ thuật chữ	H1.1 - 13 (P. Vi tính 02)	2	5	Huỳnh Quốc Dũng (TG)	Thực hành
25	18T4-VSL1	Thực tập Gò - Hàn	D3.1 - 09 (Xưởng hàn)	1	6	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	Thực hành
Từ tiết 7 đến tiết 12							
1	15CD_HL2_CK1	Công nghệ CNC	D2.1 - 01 (Xưởng CNC CB)	7	11	Bùi Anh Tuấn	Lý thuyết
2	15CD_HL2_CNTT	Chuyên đề mạng	H1.3 - 05 (P. Vi tính 9)	7	9	Lê Quý Hưng Quốc	Lý thuyết
2	15CD_HL2_CNTT	Chuyên đề mạng	H1.3 - 05 (P. Vi tính 9)	10	12	Lê Quý Hưng Quốc	Thực hành
3	16CD_HL2_CK4	Nguyên lý chi tiết máy	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	8	10	Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Thanh Vũ	Lý thuyết
3	16CD_HL2_CNTT	Lập trình quản lý	H1.2 - 04 (P. Vi tính 5)	7	9	Nguyễn Khoa	Lý thuyết
4	16CD_HL2_CNTT	Phân tích và thiết kế hệ thống	H1.3 - 02 (P. Vi tính 6)	7	10	Nguyễn Văn Danh	Lý thuyết
4	16CD_HL2_CNTT	Lập trình quản lý	H1.2 - 04 (P. Vi tính 5)	10	12	Nguyễn Khoa	Thực hành
5	16CD_HL2_CNTT2	Mạng máy tính và quản trị mạng	H1.3 - 05 (P. Vi tính 9)	7	9	Lê Quý Hưng Quốc	Lý thuyết
5	16CD_HL2_CNTT2	Mạng máy tính và quản trị mạng	H1.3 - 05 (P. Vi tính 9)	10	12	Lê Quý Hưng Quốc	Thực hành
6	16CD_HL2_ĐĐT	Mạch điện	C2.1 - 05 (P. Lý thuyết)	7	11	Tạ Minh Cường	Lý thuyết
6	16TC_HL2_KHCB1	Ngữ Văn 3	C2.2 - 01 (P. Lý thuyết)	7	11	Lê Thị Mùi	Lý thuyết
7	16TC_HL2_KHCB1	Ngữ Văn 4	C2.2 - 01 (P. Lý thuyết)	7	11	Lê Thị Mùi	Lý thuyết
7	17T4_HL2_KHCB	Toán 1	C2.2 - 02 (P. Lý thuyết)	9	12	Hà Việt Hoàng	Lý thuyết
8	18C1-CCK1	Giáo dục định hướng	Hội Trường A	8	11	Hồ Minh Lợi	Lý thuyết

STT	Lớp học	Môn học	Phòng	Từ tiết	Đến tiết	Giảng viên	Loại môn học
8	18T4-ANM1	Chính trị	H1.2 - 11 (P. Lý Thuyết)	7	8	Cao Thị Hồng Thắm	Lý thuyết
9	18T4-ANM1	Ngữ văn 1	H1.2 - 11 (P. Lý Thuyết)	9	10	Lý Thục Trinh (TG)	Lý thuyết
9	18T4-ANM1	Toán 1	H1.2 - 11 (P. Lý Thuyết)	11	12	Nguyễn Ngọc Chương (TG)	Lý thuyết
10	18T4-CCK1	Toán 1	H1.2 - 09 (P. Lý Thuyết)	7	8	Cao Thị Nga	Lý thuyết
10	18T4-CCK1	Ngữ văn 1	H1.2 - 09 (P. Lý Thuyết)	9	10	Đoàn Thị Điềm	Lý thuyết
11	18T4-CCK1	Chính trị	H1.2 - 09 (P. Lý Thuyết)	11	12	Trần Thị Hồng Thu	Lý thuyết
11	18T4-CMT1	Chính trị	H1.2 - 14 (P. Lý thuyết)	7	8	Nguyễn Thị Dinh	Lý thuyết
12	18T4-CMT1	Ngữ văn 1	H1.2 - 14 (P. Lý thuyết)	9	10	Bùi Thị Ngọc Tuyền (TG)	Lý thuyết
12	18T4-CMT1	Toán 1	H1.2 - 14 (P. Lý thuyết)	11	12	Nguyễn Văn Hậu	Lý thuyết
13	18T4-CNM1	Toán 1	H1.2 - 07 (P. Lý Thuyết)	7	8	Nguyễn Ngọc Chương (TG)	Lý thuyết
13	18T4-CNM1	Chính trị	H1.2 - 07 (P. Lý Thuyết)	9	10	Hoàng Thị Trang	Lý thuyết
14	18T4-CNM1	Ngữ văn 1	H1.2 - 07 (P. Lý Thuyết)	11	12	Lý Thục Trinh (TG)	Lý thuyết
14	18T4-CNÔ1	Pháp luật	H1.3 - 16 (P. Lý thuyết)	7	8	Trần Văn Lượng	Lý thuyết
15	18T4-CNÔ1	Động cơ đốt trong	H1.3 - 16 (P. Lý thuyết)	9	11	Nguyễn Anh Tuấn	Lý thuyết
15	18T4-CNÔ1	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.3 - 16 (P. Lý thuyết)	12	12	Nguyễn Hữu Mạnh	Lý thuyết
16	18T4-CNÔ3	Pháp luật	H1.2 - 10 (P. Lý Thuyết)	7	8	Bùi Thành Dũng	Lý thuyết
16	18T4-CNÔ3	Động cơ đốt trong	H1.2 - 10 (P. Lý Thuyết)	9	11	Phan Anh Tuấn Kiệt	Lý thuyết
17	18T4-CNÔ4	Toán 1	H1.2 - 05 (P. Lý Thuyết)	7	8	Dương Đức Kiên	Lý thuyết
17	18T4-CNÔ4	Chính trị	H1.2 - 05 (P. Lý Thuyết)	9	10	Trần Thị Hồng Thu	Lý thuyết
18	18T4-CNÔ4	Ngữ văn 1	H1.2 - 05 (P. Lý Thuyết)	11	12	Bùi Thị Ngọc Tuyền (TG)	Lý thuyết
18	18T4-ĐCN1	Mạch điện	H1.2 - 15 (P. Lý thuyết)	7	10	Vũ Hạnh Chiêu	Lý thuyết
19	18T4-ĐCN1	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.2 - 15 (P. Lý thuyết)	11	11	Vũ Hạnh Chiêu	Lý thuyết
19	18T4-ĐĐT1	Ngữ văn 1	H1.2 - 16 (P. Lý thuyết)	7	8	Đoàn Thị Điềm	Lý thuyết
20	18T4-ĐĐT1	Toán 1	H1.2 - 16 (P. Lý thuyết)	9	10	Cao Thị Nga	Lý thuyết

STT	Lớp học	Môn học	Phòng	Từ tiết	Đến tiết	Giảng viên	Loại môn học
20	18T4-KML1	An toàn lao động điện lạnh	H1.3 - 12 (P. Lý Thuyết)	7	8	Đinh Đồng Hiệp	Lý thuyết
21	18T4-KML1	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.3 - 12 (P. Lý Thuyết)	9	9	Nguyễn Vũ Xuân Thi	Lý thuyết
21	18T4-KXD1	An toàn lao động	H1.2 - 12 (P. Lý Thuyết)	7	9	Phạm Quang Vũ	Lý thuyết
22	18T4-KXD1	Vẽ Kỹ Thuật	H1.2 - 12 (P. Lý Thuyết)	10	11	Vũ Quang Khải	Lý thuyết
22	18T4-LTM2	Giáo dục thể chất	SB (Sân bóng)	9	10	Ngô Thanh Điền	Thực hành
23	18T4-QTD1	Marketing căn bản	H1.3 - 13 (P. Lý Thuyết)	7	9	Nguyễn Mỹ Tiên	Lý thuyết
23	18T4-QTD1	Sinh Hoạt Chủ Nhiệm	H1.3 - 13 (P. Lý Thuyết)	10	10	Nguyễn Mỹ Tiên	Lý thuyết
24	18T4-QTD1	Pháp luật	H1.3 - 13 (P. Lý Thuyết)	11	12	Trần Văn Lượng	Lý thuyết
24	18T4-QTD2	Toán 1	H1.3 - 07 (P. Lý Thuyết)	9	10	Nguyễn Thị Bích Hồng (TG)	Lý thuyết
25	18T4-QTD2	Ngữ văn 1	H1.3 - 07 (P. Lý Thuyết)	11	12	Đoàn Thị Diễm	Lý thuyết
25	18T4-QTM1	Phần cứng máy tính	H1.1 - 14 (P. Máy tính Khoa CNTT)	7	8	Bùi Văn Dũng	Lý thuyết
26	18T4-QTM1	Phần cứng máy tính	H1.1 - 14 (P. Máy tính Khoa CNTT)	9	10	Bùi Văn Dũng	Thực hành
26	18T4-TCĐ1	Toán 1	H1.3 - 06 (P. Lý Thuyết)	7	8	Nguyễn Thị Bích Hồng (TG)	Lý thuyết
27	18T4-TCĐ1	Ngữ văn 1	H1.3 - 06 (P. Lý Thuyết)	9	10	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Lý thuyết
27	18T4-THU1	Ngữ văn 1	H1.2 - 06 (P. Lý Thuyết)	7	8	Bùi Thị Ngọc Tuyền (TG)	Lý thuyết
28	18T4-THU1	Toán 1	H1.2 - 06 (P. Lý Thuyết)	9	10	Nguyễn Văn Hậu	Lý thuyết
28	18T4-THU1	Chính trị	H1.2 - 06 (P. Lý Thuyết)	11	12	Đinh Thị Huyền	Lý thuyết
29	18T4-TKĐ1	Pháp luật	I3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	9	10	Trần Văn Lượng	Lý thuyết
29	18T4-TKĐ1	Giáo dục thể chất	SB (Sân bóng)	11	12	Ngô Thanh Điền	Thực hành
30	18T4-TKW1	Ngữ văn 1	H1.3 - 15 (P. Lý thuyết)	7	8	Lý Thục Trinh (TG)	Lý thuyết
30	18T4-TKW1	Toán 1	H1.3 - 15 (P. Lý thuyết)	9	10	Nguyễn Ngọc Chương (TG)	Lý thuyết
31	18T4-TKW1	Chính trị	H1.3 - 15 (P. Lý thuyết)	11	12	Hoàng Thị Trang	Lý thuyết
31	18T4-VSL1	Thực tập Gò - Hàn	D3.1 - 09 (Xưởng hàn)	7	12	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	Thực hành

Từ tiết 13 đến tiết 17

STT	Lớp học	Môn học	Phòng	Từ tiết	Đến tiết	Giảng viên	Loại môn học
1	15CD_HL2_CK1	Vẽ và thiết kế trên máy tính	D2.1 - 01 (Xưởng CNC CB)	13	16	Nguyễn Tiến Nhân	Lý thuyết
2	15CD_HL2_CK2	Truyền động thủy lực và khí nén	D3.1 - 01 (Xưởng CNC CN 1)	13	16	Chung Trần Thế Vinh	Lý thuyết
3	16CD_HL2_CNTT	Lập trình Windows	F1.2 - 05 (P. Vi tính 15)	13	16	Nguyễn Cao Phong	Lý thuyết
4	16CD_HL2_KHCB2	Hóa học đại cương 1	C2.2 - 03 (P. Lý thuyết)	13	16	Trần Kim Thu Liễu	Lý thuyết
5	17C2-CCK1	Thực tập CNC cơ bản	D3.1 - 02 (Xưởng CNC CN 2)	13	15	Bùi Anh Tuấn	Thực hành
6	17C2-ĐĐT1	Điện tử công nghiệp	C2.2 - 01 (P. Lý thuyết)	13	17	Tạ Minh Cường	Lý thuyết

TP. HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2018